TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2019
V/v: Ly hôn giữa
ông T với bà Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Huệ

2. Ông Tạ Văn Tấn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh T; có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện H, tỉnh T.

(Bà Thcó đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-3-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông kết hôn với bà Trần Thị Th do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã B (nay là UBND xã H) vào tháng 4-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, bà Th không khắc phục được đã bỏ về nhà nhà ở khu T, xã M, huyện H, tỉnh T sinh sống từ tháng 6-2011 và vợ chồng ông đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông xác định giữa ông với bà Th mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Th.

Về nuôi con chung: Ông và bà Th không có con chung.

Về chia tài sản: Ông và bà Th không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-4-2019, bị đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Anh T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là UBND xã H) vào tháng 4-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà và ông T không có con chung.

Về chia tài sản: Bà và ông T không có tài sản chung.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ông T, bà Th đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) xử cho ông Nguyễn Anh T được ly hôn bà Trần Thị Th; về nuôi con chung: không có; về chia tài sản: không có tài sản chung; ông T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Th. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Ly hôn". Bà Th đang cư trú tại khu T, xã M, huyện H, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Th có mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Th, bà Th có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là UBND xã H) vào tháng 4-2005, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc

sống vợ chồng đã xảy ra va chạm, cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: ông T, bà Th sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông T được ly hôn bà Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông T và bà Th không có con chung.

[5] Về chia tài sản: Ông T và bà Th không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Th.

2. Về nuôi con chung: ông T và bà Th không có con chung.

3. Về chia tài sản: ông T và bà Th không có tài sản chung.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005538 ngày 03-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (ông T đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã M, huyện H, tỉnh T.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên